

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2115/05-26

Mã mẫu: 2605NC074 (043/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI
Địa chỉ lấy mẫu : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bom, Xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 05/05/2026 **Ngày trả kết quả**: 12/05/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : NC1 Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,82	6,0-8,5
2	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
3	Mùi ^(*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,44	0,2-1,0
5	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
6	Độ kiềm ^(b)	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	16,1	-
7	Chỉ số KMnO ₄ ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	<i>E.coli</i> ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Tổng Coliform ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

(*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2116/05-26

Mã mẫu: 2605NC075 (043/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI
Địa chỉ lấy mẫu : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bom, Xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 05/05/2026 **Ngày trả kết quả**: 12/05/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : NC2 Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,96	6,0-8,5
2	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
3	Mùi ^(*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CI.G:2023	0,41	0,2-1,0
5	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
6	Độ kiềm ^(b)	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	16,6	-
7	Chỉ số KMnO ₄ ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Tổng Coliform ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

(*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2117/05-26

Mã mẫu: 2605NC076 (043/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI
Địa chỉ lấy mẫu : Số 41 Phan Văn Khải, Ấp Trạm Bơm, Xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 05/05/2026 Ngày trả kết quả: 12/05/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : NC3 Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,05	6,0-8,5
2	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
3	Mùi ^(*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4	Clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,35	0,2-1,0
5	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
6	Độ kiềm ^(b)	mg/L	SMEWW 2320.B:2023	15,4	-
7	Chỉ số KMnO ₄ ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Tổng Coliform ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ
(*): Phương pháp nội bộ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN